

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 11

Chương 1: **KIẾN-ĐỘ TẬP**

Phẩm 2: **TRÍ**, Phần 7

Thế nào là nhân của nhất thiết biến? Là sử nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ ở đời trước, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả kiết sử đều là biến sử. Vì ngăn dứt ý như thế, cũng nói kiết sử là nhất thiết biến, chẳng phải nhất thiết biến, nên soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Năm thứ kiết được dứt này, có nhất thiết biến chẳng phải nhất thiết biến. Vì ngăn dứt ý như thế, nói về sử được dứt do khổ, tập có nhất thiết biến, chẳng phải nhất thiết biến mà soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Sử được dứt do khổ, tập đều là nhất thiết biến, sử được dứt trừ do diệt, đạo đều là duyên vô lậu.

Vì ngăn dứt ý như thế, để nói sử được dứt trừ do khổ, tập có nhất thiết biến, có chẳng phải nhất thiết biến. Sử được dứt do diệt, đạo, có duyên hữu lậu, có duyên vô lậu, nên soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Các sử chung khắp ba cõi: Là nhất thiết biến, như các kiến, nghi, ái, mạn, vô minh. Vì ngăn dứt ý như thế, để nói sử chung khắp ba cõi, cũng là nhất thiết biến, chẳng phải nhất thiết biến mà soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Vô minh hữu ái là sử nhất thiết biến, như phái Thí dụ giả nói.

Hỏi: Vì sao phái kia nói lời này?

Đáp: Vì sử căn bản. Việc ấy là thế nào? Vô minh là nhân duyên khởi của đời trước, hữu, ái là nhân duyên khởi của đời sau.

Vì ngăn dứt ý như thế, cũng nói sử biến, không biến, nên soạn

luận này.

Lại có thuyết nói: Năm kiết là sử nhất thiết biến, đó là các tâm kiến, ái, mạn, vô minh. Đây là thuyết do Tỳ-bà- Xà-bà-đề nói, như nói kệ:

*Năm pháp Nhất thiết xứ
Sinh rộng khổ khắp nơi
Các kiến ái, vô, minh
Mạn, tâm đó là năm.*

Vì dùng dứt ý như thế, cũng nói sử nhất thiết biến, bất biến, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là nhân của nhất thiết biến?

Đáp: Sử nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ của đời trước, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao không nói quá khứ trước?

Đáp: Vì muốn hiện ở đời quá khứ có nhân của nhất thiết biến, pháp quá khứ rất nhiều, cũng có trước, sau. Nếu trước đây đã nói quá khứ, thì sẽ không làm sáng tỏ nhân nhất thiết biến của đời quá khứ. Nếu trước nói lời này, thì sẽ làm sáng tỏ nhân nhất thiết biến của đời quá khứ.

Việc việc ấy thế nào? Nếu đã nói lời như thế: quá khứ ở vị lai, hiện tại, hiện tại ở vị lai, là nhân nhất thiết biến, thì sẽ không làm sáng rõ quá khứ ở quá khứ có nhân nhất thiết biến. Nếu đã nói như thế này thì sẽ làm sáng rõ ở đời quá khứ đã có nhân nhất thiết biến. Sử nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ đời trước và sử được dứt do tu đạo của thấy tập, diệt, đạo dứt, cho đến nói rộng.

Hỏi: Nhất thiết biến sử của tự chủng đã làm nhân biến cho tự chủng của nhất thiết bất biến sử. Nếu không tạo thì vì sao trong đó không nói? Nếu không tạo ra thì vì sao tha chủng có tạo, tự chủng không tạo?

Đáp: Nên nói lời này.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao không nói?

Đáp: Nên tạo ra câu hỏi rằng: Sử nhất thiết biến được dứt trừ do thấy khổ đời trước, tu đạo dứt trừ do thấy khổ, tập, diệt, đạo đời sau, cho đến nói rộng.

Hỏi: Nhưng không nói là vì có ý gì?

Đáp: Vì muốn làm rõ nghĩa không thành tựu nên không nói sử của tự chủng. Nghĩa đã thành cho nên muốn làm rõ nghĩa không thành, thế không nói.

Lại nữa, tự chủng đối với tự chủng có hai thứ nhân, đó là nhân nhất thiết biến và nhân tương tự. Tha chủng chỉ có nhân nhất thiết biến, không có nhân tương tự, vì cho nên không nói.

Lại nữa, tự chủng đối với tự chủng có hai thứ tăng trưởng, đó là cửa của nhân nhất thiết biến và cửa của nhân tương tự. Tha chủng chỉ có cửa của nhân nhất thiết biến, tăng trưởng, vì vậy nên không nói.

Hỏi: Vì sao sử nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ của đời trước không nói pháp tương ứng, mà sử của đời sau lại nói pháp tương ứng?

Đáp: Nên tạo ra văn này: Thấy khổ dứt trừ sử nhất thiết biến đời trước và pháp tương ứng với thấy tập, diệt, đạo của đời sau, do tu đạo dứt trừ sử và pháp tương ứng, cho đến nói rộng mà không nói, phải biết nghĩa này là lời chưa trọn vẹn.

Lại nữa, vì ngăn dứt ý của Sa-môn nói pháp tương tự. Sa-môn kia đã nói rằng: Sử lại làm nhân cho sử, không làm nhân cho pháp tương ứng của sử, Pháp tương ứng của sử, làm nhân cho pháp tương ứng của sử, không làm nhân cho sử.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, nên tạo ra văn như vậy: Sử làm nhân cho sử, cũng làm nhân cho pháp tương ứng của sử. Pháp tương ứng của sử, làm nhân cho pháp tương ứng của sử cũng làm nhân cho sử.

Tự giới, là cõi Dục lại làm nhân cho cõi Dục, cõi Sắc lại làm nhân cho cõi Sắc, Vô sắc lại làm nhân cho cõi Vô sắc.

Như nói: Tự giới, tự địa cũng thế: từ Địa Sơ thiên trở lên làm nhân cho địa Sơ thiên, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ lại làm nhân cho Phi tưởng, Phi phi tưởng xứ. Thấy khổ dứt trừ quá khứ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao lại soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt lời nói là không có quá khứ, vị lai, vì đời hiện tại là pháp vô vi cùng khắp thế gian, nên soạn luận này. Nhân nhất thiết biến chưa phân biệt, thành phân biệt, như nói: Lược nói về thấy khổ mà dứt trừ, tương tự, nói thấy tập mà dứt trừ cũng thế.

Hỏi: Thể tánh của nhân nhất thiết biến là gì?

Đáp: Cõi Dục có mười một biến sử: thấy khổ dứt trừ bảy tức năm kiến và nghi, vô minh. Thấy tập mà dứt trừ bốn: là hai kiến và nghi, vô minh. Cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng có mười một như thế. Vì việc ấy, nên Ba-già-la-na nói rằng: Chín mươi tám sử này, có bao nhiêu sử là nhất thiết biến, bao nhiêu sử chẳng phải nhất thiết biến?

Đáp: Ba mươi ba là nhất thiết biến, sáu mươi lăm chẳng phải nhất

thiết biến.

Hỏi: Như sử vô minh thấy khổ mà dứt trừ, chẳng phải nhất thiết biến. Vì sao? Vì nói ba mươi ba là nhất thiết biến, sáu mươi lăm chẳng phải nhất thiết biến?

Đáp: Như Sa-môn phương Tây, văn này nói rằng: Hai mươi bảy là nhất thiết biến, sáu mươi lăm chẳng phải nhất thiết biến, sáu thứ phải phân biệt. Sử vô minh do thấy khổ mà dứt trừ, hoặc là nhất thiết biến, hoặc chẳng phải nhất thiết biến. Thế nào là nhất thiết biến? Do thấy khổ mà dứt trừ, chẳng phải sử nhất thiết biến, sử vô minh không tương ứng?

Nói như thế này là đúng: thấy khổ dứt trừ, chẳng phải sử nhất thiết biến, là sử không tương ứng với vô minh. Nếu nói rằng: sử nhất thiết biến tương ứng với vô minh, thì sẽ không gồm nhiếp vô minh bất cộng. Vì sao? Vì vô minh bất cộng kia không tương ứng với sử.

Thế nào là chẳng phải nhất thiết biến? Do thấy khổ mà dứt trừ chẳng phải sử nhất thiết biến tương ứng với vô minh. Thấy tập mà dứt trừ cũng giống như thế.

Sa-môn Tây phương đã nói như thế. Vì sao Sa-môn nước Kế-tân không nói như thế?

Đáp: Văn này nên nói như thế, như Sa-môn phương Tây, nếu không nói phải biết về nghĩa thì như thế.

Lại nữa, vì phân ra nhiều, việc ấy thế nào? Sử vô minh do thấy khổ mà dứt trừ có mười thứ: Bảy thứ là nhất thiết biến, ba thứ chẳng phải nhất thiết biến. Sử vô minh do thấy tập dứt có bảy thứ: Bốn thứ là nhất thiết biến, ba thứ chẳng phải nhất thiết biến, vì phân nhiều, nên nói ở trong phần sử nhất thiết biến.

Lại nữa, sử vô minh bất cộng do thấy khổ mà dứt trừ kia, hoàn toàn là biến, do sức nơi công dụng của chính nó sinh. Vì việc này, nên ba mươi ba là nhất thiết biến, sáu mươi lăm chẳng phải nhất thiết biến. Nếu nói thân kiến là nhất thiết biến, phải biết vô minh tương ứng cũng nhất thiết biến. Nghĩa ấy đã thành: biên kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến, nghi, nếu nói các pháp như thế là biến, phải biết vô minh tương ứng cũng là biến. Nếu nói ái, giận dữ, mạn là chẳng phải nhất thiết biến, phải biết vô minh tương ứng cũng chẳng phải nhất thiết biến.

Pháp khác không nói là sao? Chỉ có vô minh bất cộng thì hoàn toàn là nhất thiết biến, vì sức công dụng của tự nó sinh. Vì việc ấy, nên nói như thế này: Ba mươi ba là nhất thiết biến, sáu mươi lăm chẳng phải nhất thiết biến, đều là thể tánh của nhất thiết biến, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của sử nhất thiết biến, về lý do nay sẽ nói: Vì sao nói là nhất thiết biến? Nhất thiết biến có nghĩa gì?

Nghĩa tất cả duyên là nghĩa nhất thiết biến. Ở trong duyên có ng- hĩa lực là nghĩa nhất thiết biến. Trong duyên có nghĩa lực: Tức có thể có nghĩa duyên rộng lớn, nên trong duyên này có nghĩa lực.

Lại nữa, có ba thứ nhất thiết vốn từng khởi nên là nghĩa nhất thiết biến. Nhất thiết đầu tiên là chín phẩm sử, nhất thiết ở giữa là nhất thiết chúng sinh, nhất thiết sau là xứ của nhất thiết pháp hữu lậu.

Hỏi: Vì sao biết nhất thiết ban đầu, nhất thiết sau là vốn đã từng khởi?

Đáp: Như Kinh Thi Thiết nói: Tất cả đều là khổ. Đối với pháp khổ này không có một pháp nào mà người phàm phu ở trong đó không khởi lên ngã và ngã sở, thấy không và có đều chẳng khởi dứt, thường, cũng như chê bai không có nhân, không có tạo tác, cũng khởi kiến tối thắng, thứ nhất cũng khởi kiến tịnh, kiến giải thoát, kiến là nương. Không có phàm phu nào không hề khởi tâm nghi không có trí, ngu si, tầm tối. Chúng sinh như thế không có chúng sinh nào không hề khởi, vì đã từng khởi ba thứ nhất thiết, nên gọi là nhất thiết biến.

Lại nữa, nếu nơi một sát-na khởi hiện ở trước, có thể làm nhân cho năm thứ dứt trừ, thì có thể duyên năm thứ mà dứt, có thể khiến cho năm thứ sinh ngu được dứt trừ.

Hỏi: Làm sao có thể khiến duyên sử với duyên vô lậu, sinh ngu mê nơi duyên?

Đáp: Nếu chấp ngã, thì chê bai pháp đối trị và ngã vắng lặng, trước hết là ngu ở trong đó, sau mới sinh chê bai.

Lại nữa, nếu trong một sát-na khởi hiện ở trước, làm nhân cho năm thứ dứt trừ, cũng có thể duyên với sử là nghĩa nhất thiết biến. Pháp tương ứng của sử kia tuy có thể làm nhân, cũng có thể làm duyên, nhưng không thể sai khiến, vì chẳng phải tánh chất của sử. Pháp tương ứng của sử kia đều cùng câu sinh v.v... tuy có thể làm nhân mà không thể duyên, cũng không thể sai khiến, vì chẳng phải duyên, chẳng phải tánh của sử.

Hỏi: Pháp cộng hữu tương ứng với biến sử, vì là nhất thiết biến hay chẳng phải nhất thiết biến? Nếu là nhất thiết biến, thì vì sao chỉ nói có ba mươi ba sử là biến? Nếu chẳng phải nhất thiết biến, thì lấy gì làm pháp cộng hữu, tương ứng, hoặc là nhất thiết biến, hoặc chẳng phải nhất thiết biến?

Đáp: Nên nói rằng: Chẳng phải nhất thiết biến.

Hỏi: Nếu vậy thì lấy gì làm pháp cộng hữu, tương ứng, hoặc là nhất thiết biến, hoặc chẳng phải nhất thiết biến?

Đáp: Như pháp cộng hữu, tương ứng, hoặc là sử, hoặc chẳng phải sử. Pháp cộng hữu, tương ứng như thế, hoặc là nhất thiết biến, hoặc chẳng phải nhất thiết biến.

Lời Bình: Nên nói là nhất thiết biến.

Hỏi: Nếu vậy vì sao chỉ nói ba mươi ba là nhất thiết biến?

Đáp: Vì sử nên nói. Chỗ làm có hai thứ: Một là vì pháp, hai là vì sử. Nếu vì sử thì nên nói có ba mươi ba, nếu vì pháp thì nên nói là nhất thiết biến.

Lại có thuyết nói: Văn này vì làm sáng nên nói nhất thiết biến:

1. Vì là nhân.
2. Vì là duyên.
3. Vì là sử.

Pháp tương ứng của biến sử kia, vì nhân, vì duyên, nên gọi là nhất thiết biến. Vì sử, nên gọi là sử nhất thiết biến. Pháp cộng hữu vì nhân, nên không do duyên, không do sử, sử thì do ba việc, nên dùng làm văn. Vì việc ấy, nên sử cộng câu sinh v.v... là nhất thiết biến.

Hỏi: Nhất thiết biến đặc là nhất thiết biến này phải không?

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Nhất thiết biến này. Nếu nhất thiết biến đặc chẳng phải nhất thiết biến, là chẳng phải nhất thiết biến là nhất thiết biến phải không?

Vấn nạn này chẳng phải vấn nạn. Vì sao? Vì nếu nói rằng: Đặc của sắc pháp chẳng phải sắc, thì chẳng phải sắc là sắc chẳng? Nói như thế là đúng, chẳng phải nhất thiết biến.

Hỏi: Vì sao là nhất thiết biến? Sinh, già, trụ, vô thường là nhất thiết biến đặc, chẳng phải nhất thiết biến chẳng?

Đáp: Sinh, già, trụ, vô thường đều đồng một quả với sử nhất thiết biến, thường theo nhau không lìa. Trước sau không xa nhau, được không đồng một quả, không theo nhau, lìa nhau, trước sau xa cách nhau, khi ở nơi chỗ nhóm ấy liền chẳng phải nhóm, như vỏ cây lìa cây, sử nhất thiết biến kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao chỗ dứt trừ của thấy khổ, thấy tập lập ra sử nhất thiết biến, còn chỗ dứt trừ của thấy diệt, thấy đạo không lập nhất thiết biến?

Người cự A-tỳ-đàm nói rằng: Chỗ này là sử nhất thiết biến, vì là nơi đồng họ sinh ra.

Lại có thuyết nói: Sử do thấy khổ, tập dứt trừ đồng một ý, đồng

một chỗ trú. Vì đồng ý, đồng trú, nên việc làm rất bền chắc, vì bền chắc, nên lập sử nhất thiết biến. Sử do thấy diệt, thấy đạo thì dứt vì ý không đồng, chỗ làm cũng bất đồng. Vì bất đồng nên yếu kém, vì yếu kém nên không lập sử nhất thiết biến. Cũng như dân chúng ở thôn xóm, thành, ấp, nếu ý đồng, việc làm đồng, thì oán thù của chủ thôn không thể hàng phục. Trái lại, nếu các người kia, ý bất đồng, việc làm không đồng, thì sẽ bị hàng phục do oán thù của chủ thôn. Sử nhất thiết biến kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Sử do thấy khổ, tập dứt có hai thứ làm sử tương ứng, cũng làm duyên sử, cho nên lập nhất thiết biến. Sử được dứt trừ do thấy diệt, đạo, hoặc làm sử tương ứng duyên sử, hoặc chỉ làm sử tương ứng, cho nên không lập sử nhất thiết biến.

Lại có thuyết nói: Sử do thấy khổ, tập mà dứt, an lập hai đủ. An lập hai đủ là hai thứ nghĩa của sử nói trên. Sử, do thấy diệt, đạo dứt trừ không an lập hai đủ. Không an lập hai đủ, tức nghĩa của hai thứ sử nêu trên.

Lại có thuyết nói: Sử do thấy khổ, tập dứt trừ, đối với duyên được tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là tăng trưởng ở duyên?

Đáp: Vì duyên này là pháp hữu lậu, vì duyên là pháp hữu lậu, nên có thể tự tăng trưởng. Như người ngấm trăng, mắt được tăng ích, không có hao tổn, sử kia cũng giống như thế. Sử do thấy diệt, đạo dứt trừ đối với duyên không được tăng trưởng.

Không được tăng trưởng là sao? Vì duyên với pháp vô lậu, nếu duyên với pháp vô lậu thì không được tăng trưởng. Như người nhìn mặt trời, mắt không có tăng trưởng, chỉ có hao tổn. Sử kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Tất cả kiết do thấy đế mà dứt trừ, được chia làm hai phần do thấy khổ, tập dứt trừ tạo ra: Phần nhất thiết biến và phần chẳng phải nhất thiết biến. Do thấy diệt, đạo dứt trừ tạo ra phần duyên hữu lậu, tạo ra phần duyên vô lậu.

Lại có thuyết nói: Các kiết này đều là tướng đọa.

Tướng đọa là sao?

Đáp: Đọa ở trong khổ, tập, vì thuộc về khổ đế, tập đế.

Lại có thuyết nói: Sử do khổ, tập dứt bỏ, có thể duyên khắp tất cả nhân, quả hữu lậu.

Lại có thuyết nói: Vì ngã kiến khả đắc.

Hỏi: Chỗ dứt trừ của thấy tập có ngã kiến nào để được không?

Đáp: Mặc dù không có ngã kiến để được, nhưng vẫn có pháp ngã kiến tăng trưởng để được.

Lại có thuyết nói: Nếu biết quả do thấy khổ mà dứt trừ, nếu biết nhân do thấy tập mà dứt trừ, thì căn bản do thấy diệt, đạo dứt trừ rất yếu kém. Vì do yếu kém, nên không lập sử nhất thiết biến, như cây vì chặt đứt rễ nên rất yếu kém. Sử kia cũng thế. Vì những duyên như vậy nên không lập nhất thiết biến.

Hỏi: Vì sao sử do thấy khổ, tập dứt trừ lập sử nhất thiết biến, lập bất biến sử, không nhất thiết biến là ái, giận dữ, ngã mạn.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đó là do không có tướng nhất thiết biến.

Lại có thuyết nói: Đó là tướng riêng của sử. Nếu là tướng chung của sử thì lập nhất thiết biến.

Thế nào là tướng riêng của sử?

Đáp: Đối với tóc, móng tay, răng, mỗi mỗi thứ đều khởi lên các sử như ái v.v...

Thế nào là tướng chung của sử?

Đáp: Ở nơi tất cả giới, tất cả địa, tất cả chỗ sinh, chấp lấy ngã kiến, cho đến có thể nhận lấy sự ngu tối, vô tri

Lại có thuyết nói: Khó có thể lừng lẫy, là chẳng phải nhất thiết biến, dễ có thể lừng lẫy, là nhất thiết biến.

Khó có thể lừng lẫy là sao?

Đáp: Vì tham dục, nên tham cầu chuỗi anh lạc, y phục, hương thoa, vườn, rừng, lầu gác, chỗ dạo chơi, cũng cầu vợ, thiếp, gái hầu. Vì giận dữ, nên tìm những thứ binh cụ chiến đấu như: Áo giáp, gậy, đao. Vì ngạo mạn, nên thấy người khác trang nghiêm, tô điểm thân, cũng trang nghiêm tô điểm thân, vì là khó lừng lẫy, nên không lập nhất thiết biến.

Dễ lừng lẫy là sao?

Đáp: Nếu các kiết hiện ở trước, cũng như dòng sông, các phiền não hạnh ác, không dụng công lưu hành cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Vì bảy sử này duyên theo bốn đế, nên lập nhất thiết biến. Năng duyên là kiến, nghi, vô minh.

Hỏi: Vì sao diệt, đạo dứt trừ là ái, giận dữ, mạn, kiến thủ, giới thủ chẳng phải duyên vô lậu?

Đáp: Vì diệt, đạo kia không có oán hại, nên không có ái, giận dữ. Vì thể của diệt, đạo kia không có mạn, nên không sinh khởi kiêu mạn. Kiến thủ, kiến giới thủ đệ nhất chấp thanh tịnh. Hoặc đối với diệt, đạo,

chấp thanh tịnh đệ nhất.

Thế nào là sử?

Vì việc này, nên các kiết như ái v.v... chẳng phải duyên vô lậu.

Cõi Dục có mười một biến sử: Chín là duyên nơi tha giới, hai là duyên vào tự giới. Duyên vào tự giới là thân kiến, biên kiến.

Hỏi: Vì sao thân kiến, biên kiến không duyên theo tha giới?

Đáp: Vì chỉ có chừng ấy thế lực.

Lại có thuyết nói: Thân kiến, biên kiến từ pháp thô sinh, cũng sinh từ hiện kiến, sinh ở nơi thô hiện kiến ám, chấp giữ ngã. Sinh trong cõi Dục ám cõi Sắc, Vô sắc chẳng phải thô, chẳng phải hiện kiến.

Hỏi: Ám cõi Dục sinh trong cõi Sắc là thô, hiện kiến. Vì sao thân kiến cõi Sắc không đối với ám cõi Dục chấp ngã?

Đáp: Nếu là hiện kiến không lìa dục, thì có thể ở trong đó chấp ngã. Ám cõi Dục sinh trong cõi Sắc, tuy là hiện kiến, vì lìa dục nên không chấp giữ ngã ở trong đó.

Lại có thuyết nói: Ám cõi Dục sinh trong cõi Sắc, tuy là pháp hiện kiến, nhưng không có kiết sử để duyên với địa dưới.

Hỏi: Cũng thế thì nhân luận sinh luận, vì sao không có kiết sử để duyên với địa dưới?

Đáp: Nếu lìa dục của địa dưới, thì phiền não của địa trên sẽ hiện ở trước. Vì lìa dục của địa dưới, nên phiền não của địa trên không duyên với địa dưới.

Hỏi: Vì sao biết lìa dục của địa dưới, phiền não của địa trên sẽ hiện ở trước?

Đáp: Như Kinh Thi Thiết nói: Có sáu thứ chẳng phải giới, thuộc về cõi Dục có hai thứ: Có tâm tương ứng, tâm không tương ứng. Hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc cũng có hai thứ: tâm tương ứng và tâm không tương ứng. Nếu pháp của tâm tương ứng thuộc về cõi Dục chẳng phải giới hiện ở trước, thì bốn thứ chẳng phải giới sẽ hiện ở trước:

1. Tâm tương ứng cõi Dục.
2. Tâm không tương ứng.
3. Tâm không tương ứng cõi Sắc.
4. Tâm không tương ứng cõi Vô sắc.

Tâm tương ứng thuộc về cõi Sắc, chẳng phải giới hiện ở trước thì ba thứ chẳng phải giới hiện ở trước:

1. Tâm tương ứng cõi Sắc.
2. Tâm không tương ứng cõi Sắc.
3. Tâm không tương ứng cõi Vô sắc.

Tâm tương ứng lệ thuộc cõi Vô sắc, chẳng phải giới hiện ở trước thì có hai thứ chẳng phải giới hiện ở trước:

1. Tâm tương ứng cõi Vô sắc.
2. Tâm không tương ứng.

Các phiền não trong đây, do chẳng phải danh, thuyết của giới, vì việc này nên biết được lia dục của địa dưới, thì phiền não của địa trên sẽ hiện ở trước, không duyên ở địa dưới.

Hỏi: Vì sao các sử cõi Dục có thể duyên cõi Sắc, Vô sắc, các sử cõi Sắc, Vô sắc không thể duyên theo cõi Dục?

Đáp: Vì cõi Dục là cõi bất định, chẳng phải địa lia dục, chẳng phải địa tu, vì không thể khéo nhiếp phục các sử, nên có thể duyên cõi Sắc, Vô sắc. Cõi Sắc, Vô sắc là địa định, địa lia dục, địa tu có thể khéo thâm phục các phiền não, các sử đó không thể duyên địa dưới. Như người không nhiếp phục được vợ mình làm chuyện phi pháp với người khác. Nếu khéo nhiếp phục, cho đến không thể dùng mắt ngắm nhìn người khác, huống gì có thể làm chuyện phi pháp? Sử kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Sinh trong cõi Dục, đối với ấm cõi Sắc, Vô sắc, sinh tâm ngờ vực quái lạ: Cõi Sắc và Vô sắc kia là thường hay chẳng phải thường? Là đệ nhất hay chẳng phải đệ nhất? Là tịnh hay chẳng phải tịnh?

Vì có nỗi hoài nghi lạ như thế, nên có thể duyên. Sinh trong cõi Sắc, Vô sắc, đối với ấm cõi Dục, không sinh tâm ngờ vực lạ lùng như thế, nên không duyên cõi Dục.

Lại có thuyết nói: Nếu sử cõi Sắc, Vô sắc có thể duyên với cõi Dục, thì có thể duyên với sử cõi Dục. Nếu là sử cõi Dục, thì cõi hư hoại.

Hỏi: Như các sử cõi Dục duyên cõi Sắc, Vô sắc, mà không thể sai khiến, các sử cõi Sắc, Vô sắc như thế duyên với cõi Dục mà không thể sai khiến, thì sẽ có những lỗi gì?

Đáp: Cõi Sắc, Vô sắc là cõi tôn quý, các sử cõi Dục duyên mà không thể sai khiến, vì cõi Dục là cõi thấp kém. Nếu các sử cõi Sắc, Vô sắc duyên thì có thể sai khiến. Như người thấp kém đối với người tôn quý, không thể làm chuyện không yêu thích. Như người tôn quý, đối với kẻ thấp kém, tùy ý có thể làm. Sử kia cũng như thế.

Hỏi: Như cõi Dục có chín thứ duyên sử tha giới, cõi Sắc cũng có chín thứ duyên sử của tha giới, cõi Vô sắc cũng có duyên sử của tha giới hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có. Vì sao? Vì trên không còn có cõi.

Lại có thuyết nói: Có. Vì có năng duyên, vì không do hiện ở trước, nên có.

Bình luận: Không nên nói lời này. Lại không có cõi, ở đó có sở duyên gì? Địa Sơ thiên có chín thứ duyên tha địa. Sử nhất thiết biến, cho đến Vô sở hữu xứ cũng có chín thứ. Phi tướng Phi phi tướng xứ có tha địa duyên với sử nhất thiết biến hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có. Vì sao? Vì không còn địa trên nữa, lại không duyên với địa dưới.

Lại có thuyết nói: Có. Vì năng duyên, nên có, vì không do hiện ở trước, nên có.

Lời Bình: Không nên nói như thế. Lại không có địa trên, ở đó có sở duyên gì?

Tà kiến cõi Dục là năng duyên khổ, tập của ba cõi, chẳng phải khoảng một sát-na chê bai. Trước, chê bai cõi Dục, hoặc khổ, hoặc tập khoảng sát-na khác, chê bai cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Vì sao không ở trong khoảng một sát-na chê bai ba cõi, hoặc khổ, hoặc tập?

Đáp: Tà kiến cõi Dục duyên theo cõi Dục cũng sai khiến, duyên theo cõi Sắc, Vô sắc không sai khiến.

Hỏi: Vì sao duyên theo cõi Dục thì sai khiến, duyên cõi Sắc, Vô sắc không sai khiến?

Đáp: Cõi Dục là xứ duyên xứ sai khiến, duyên mà là sai khiến. Cõi Sắc, Vô sắc là xứ duyên, chẳng phải xứ sai khiến, tuy duyên mà chẳng sai khiến.

Lại có thuyết nói: Cõi Dục là nhóm duyên, nhóm sử, duyên mà là sai khiến. Cõi Sắc và Vô sắc là nhóm duyên, chẳng phải nhóm sử, duyên mà chẳng sai khiến.

Lại nữa, cõi Dục có năm thứ quả của nhất thiết biến. Vì ở cõi Sắc, Vô sắc không có, nên duyên mà chẳng sai khiến.

Lại nữa, tà kiến cõi Dục hoặc do thấy khổ, thấy tập mà dứt trừ, duyên theo ba cõi, do hoặc khổ, hoặc tập dứt trừ. Hoặc khổ hoặc tập làm sao mà duyên, là như cõi Dục, duyên mà là sai khiến, cõi Sắc, Vô sắc cũng duyên mà tức là sai khiến chẳng? Vì như cõi Sắc, Vô sắc duyên mà chẳng phải sai khiến, cõi Dục cũng duyên mà không là sai khiến chẳng? Nếu như cõi Sắc, Vô sắc duyên mà chẳng sai khiến, thì cõi Dục cũng duyên mà không sai khiến: hoặc như cõi Sắc, Vô sắc duyên mà

không sai khiến, cõi Dục duyên mà không sai khiến. Không có sử của tự giới duyên theo pháp hữu lậu mà không tạo ra hai thứ duyên sử và sử tương ứng. Nếu cùng lúc có thể duyên khổ, tập của ba cõi, hoặc có sử, hoặc không là sử, pháp tương ứng ấy cũng tương ứng, hoặc có đối tượng sai khiến, hoặc không có đối tượng sai khiến. Sử kia nếu vậy thì có lỗi như thế, tức thể của sử không có tự tương, tánh của sử cũng hủy hoại pháp tương ứng.

Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên duyên riêng cõi Dục hoặc khổ hoặc tập, duyên riêng cõi Sắc, Vô sắc hoặc khổ hoặc tập.

Tà kiến của địa Sơ thiên như thế năng duyên tám địa. Hoặc khổ, hoặc tập chẳng phải trong khoảng khắc một sát-na có thể chê bai cả tám địa, hoặc khổ, hoặc tập. Trước chê bai địa Sơ thiên hoặc khổ, hoặc tập trong khoảng một sát-na khác, chê bai bảy địa còn lại, hoặc khổ, hoặc tập cho đến tà kiến của Vô sở hữu xứ như vậy duyên với hai địa, hoặc khổ, hoặc tập, chẳng phải trong khoảng một sát-na có thể chê bai hai địa, hoặc khổ, hoặc tập, nên trước chê bai Vô sở hữu xứ, hoặc khổ, hoặc tập. Trong khoảng sát-na khác về sau, chê bai hoặc khổ, hoặc tập của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Tà kiến do thấy khổ cõi Dục mà dứt trừ, có thể duyên theo khổ, tập của ba cõi. Tà kiến do thấy diệt cõi Dục mà đoạn trừ, có thể duyên các hành diệt cõi Dục.

Hỏi: Vì sao tà kiến do thấy khổ, tập cõi Dục dứt trừ, có thể duyên ba cõi, còn tà kiến được dứt trừ do thấy đạo khổ, tập, chỉ duyên với cõi Dục, đối trị dứt các hành?

Tôn giả Bà Dĩ nói: Nếu vì chỗ yêu mến của dục ái mà khởi lên kiến ngã và ngã sở, thì pháp này đối trị dứt. Vì sở duyên tà kiến cõi Dục do thấy đạo thì dứt, pháp của ngã kiến kia không thể duyên theo tha giới.

Lại nữa, tà kiến được dứt trừ do thấy khổ, tập cõi Dục với sở duyên khác, đối trị khác. Sở duyên của tà kiến nơi cõi Dục do thấy đạo thì dứt, tức là đối trị tà kiến. Tà kiến do thấy khổ, thấy tập của địa Sơ thiên, có thể duyên với tám địa, hoặc khổ, hoặc tập. Tà kiến do thấy diệt của địa Sơ thiên dứt trừ, duyên với các hành diệt của địa Sơ thiên, nói rộng như trên. Tà kiến do thấy khổ, tập dứt trừ của địa Sơ thiên, có thể duyên tám địa, hoặc khổ, hoặc tập. Tà kiến được dứt trừ do thấy đạo của địa Sơ thiên, hoặc có thuyết nói: Duyên dứt các hành đối trị của địa Sơ thiên.

Hoặc có thuyết nói: Duyên nơi chín địa là trí phân dứt đối trị của tử trí. Chín địa là từ thiên Vị chí cho đến Vô sở hữu xứ.

Bình luận: Nói duyên tất cả phần tử trí, đó là thật nghĩa.

Hỏi: Vì sao tà kiến do thấy diệt mà dứt của Sơ thiên, duyên các hành diệt của địa Sơ thiên, còn tà kiến được thấy đạo thì dứt lại duyên với phần tử trí của chín địa?

Đáp: Do lẽ diệt không xoay vần làm nhân, đạo xoay vần làm nhân. Cũng thế, cho đến tà kiến được dứt trừ do thấy khổ, tập của Phi tướng Phi phi tướng xứ, duyên theo khổ, tập của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Tà kiến được dứt trừ do thấy diệt của Phi tướng Phi phi tướng xứ, duyên theo các hành diệt của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Tà kiến do thấy đạo thì dứt duyên theo phần tử trí của chín địa. Các hỏi, đáp còn lại như nói ở Sơ thiên.

Hỏi: Như một sử không thể sai khiến tất cả, sao lại gọi là biến sử?

Đáp: Nói chung thì các sử nhất thiết biến có thể sai khiến tất cả, là nhân của nhất thiết biến.

Nhân của nhất thiết biến là sử nhất thiết biến chăng? Nên nói rộng bằng bốn trường hợp:

1. Sử nhất thiết biến chẳng phải nhân của nhất thiết biến: Là sử nhất thiết biến ở đời vị lai.

2. Nhân của nhất thiết biến chẳng phải sử nhất thiết biến: Là pháp cộng hữu, tương ưng với sử nhất thiết biến trong quá khứ, hiện tại.

3. Nhân nhất thiết biến cũng là sử nhất thiết biến là sử nhất thiết biến của quá khứ, hiện tại.

4. Không phải sử nhất thiết biến cũng chẳng phải nhân của nhất thiết biến: Là trừ ngằn ấy việc trên.

Hỏi: Các pháp do thấy đạo thì dứt có phải đều là làm nhân của tất cả pháp nhiệm ô hay không? Nếu pháp do thấy đạo thì dứt đều làm nhân của tất cả pháp nhiệm ô, dứt trừ cũng làm nhân, không dứt trừ cũng làm nhân. Dứt trừ và không dứt trừ có gì khác nhau? Nếu pháp do thấy đạo thì dứt, đều làm nhân cho tất cả pháp nhiệm ô, thì vì sao bậc Thánh tu đạo để dứt trừ sự nhiễm ô? Hoặc khởi hiện ở trước, hoặc không khởi hiện ở trước. Không khởi hiện ở trước, nghĩa là không có trong các mạn, triền, giận dữ, yêu thích. Khởi hiện ở trước, nghĩa là các mạn, triền, giận dữ, yêu thích khác.

Nếu pháp do thấy đạo thì dứt, đều làm nhân cho tất cả pháp nhiệm ô, thì theo Kinh Thi Thiết nói làm sao hiểu? Như nói: Có phải pháp bất thiện dùng bất thiện làm nhân hay không? Đáp: Có, bậc Thánh lìa dục, ở đó thối lui, tư duy nhiệm ô đầu tiên hiện ở trước, nếu pháp do thấy đạo

thì dứt không làm nhân cho tất cả pháp nhiễm ô, thì làm sao hiểu thuyết của Phái Ba-già-la-na, như nói: thế nào là pháp làm nhân do thấy đạo thì dứt?

Đáp: Pháp nhiễm ô cũng là pháp chấp do thấy đạo thì dứt. Nếu pháp do thấy đạo thì dứt, không làm nhân cho tất cả pháp nhiễm ô, thì sai trái với kinh này, như nói: Thế nào là pháp làm nhân cho vô ký?

Đáp: Pháp hữu vi vô ký, pháp bất thiện, nếu không làm nhân, thì lại trái với văn này. Như nói: Dùng thân kiến làm nhân, không vì thân kiến làm nhân, cho đến nói rộng. Nếu không làm nhân, thì lại trái với văn kinh về thân thức, như nói: Có phải nhãn thức bất thiện dùng bất thiện, vô ký làm nhân, cho đến ý thức bất thiện dùng bất thiện, vô ký làm nhân hay không?

Đáp: Có. Nên nói rằng: Pháp do thấy đạo thì dứt đều làm nhân cho tất cả pháp nhiễm ô.

Hỏi: Nếu vậy thì các thuyết nói sau khéo hiểu, còn những điều đã nói trước làm sao hiểu?

Đáp: Như chỗ nói dứt trừ và không dứt trừ có gì khác nhau? danh tức khác nhau. Lúc làm nhân xưa không dứt, nay tuy làm nhân, đã dứt, đó gọi là khác nhau.

Lại có thuyết nói: Lúc làm nhân trước kia, không bị hư hoại do đối trị, nay tuy làm nhân, nhưng bị đối trị làm hư hoại.

Lại có thuyết nói: Lúc làm nhân khi xưa, có thể ở tự thân gây chướng ngại Thánh đạo, nay tuy làm nhân, nhưng không gây trở ngại cho Thánh đạo.

Lại có thuyết nói: Lúc làm nhân trước kia, có thể làm xong công việc đối với tự thân. Nay tuy làm nhân, nhưng không còn khả năng làm.

Lại nữa, khi làm nhân trước kia, đối với tự thân có thể nhận lấy quả và cho quả. Nay tuy làm nhân, nhưng không thể nhận lấy quả và cho quả, chỉ trừ quả đã nhận lấy.

Lại nữa, lúc làm nhân xưa, có thể đối với thân mình, cùng với nhân tương tự, nhân nhất thiết biến. Nay tuy làm nhân, nhưng lại không cùng nhân tương tự, nhân nhất thiết biến.

Lại nữa, khi làm nhân trước kia, có thể ở tự thân, nhận lấy quả y, quả báo, cho quả y, quả báo. Nay tuy làm nhân, nhưng không thể nhận lấy quả y, quả báo.

Lại nữa, lúc làm nhân xưa kia, đối với tự thân sinh ra các đắc, như lửa phát ra khói. Nay tuy làm nhân, nhưng lại không sinh đắc.

Lại nữa, lúc làm nhân xưa kia, đối với tự thân, đã rơi vào chỗ đáng hiềm nghi, rơi vào phi pháp, cũng tự nhiên ô. Nay tuy làm nhân, nhưng đối với tự thân, không rơi vào hiềm nghi, không rơi vào phi pháp, cũng không nhiễm ô. Dứt trừ và không dứt trừ, đó gọi là khác nhau.

Hỏi: Thế nào là bậc Thánh tu đạo, dứt trừ nhiễm ô, hoặc khởi hiện ở trước, hoặc không khởi hiện ở trước?

Đáp: Pháp do thấy đạo thì dứt, hoặc làm cận nhân, tương tục cho pháp nhiễm ô của tu đạo, hoặc làm nhân xa không tương tục, hoặc làm nhân gần nối tiếp nhau, tức là bậc Thánh ấy không khởi hiện ở trước. Nếu làm nhân xa không nối tiếp nhau, thì bậc Thánh kia sẽ khởi hiện ở trước.

Lại nữa, nếu được chẳng phải thường diệt, là không khởi hiện ở trước, nếu không được, nghĩa là khởi hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao không khởi không có trung ái hiện ở trước?

Đáp: Đó là chỗ nuôi lớn của đoạn kiến, dứt kiến tương tục sinh ái này bậc Thánh đã chấp đoạn kiến, nên không khởi ái này hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao không khởi triền giận dữ hiện ở trước?

Đáp: Đó là chỗ nuôi lớn tà kiến, tà kiến nối tiếp nhau sinh ra ràng buộc, giận dữ này. bậc Thánh vì đã dứt bỏ tà kiến, nên không khởi ràng buộc, giận dữ này hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao không khởi các mạn hiện ở trước?

Đáp: Đó là chỗ nuôi lớn ngã kiến, ngã kiến nối tiếp nhau sinh ra mạn này. bậc Thánh kia, vì đã dứt ngã kiến, nên các mạn này không hiện ở trước.

Kinh Thi Thiết nói làm sao hiểu?

Đáp: Vì không dứt trừ nhân, nên nói. Tư duy kia có hai thứ nhân: nhân đoạn và nhân không đoạn, thuyết ấy nói là nhân bất dứt.

Hỏi: Như lúc bậc Thánh chưa lìa dục, thì tư duy ấy lấy bất thiện làm nhân, vì sao nói là khi thối lui?

Đáp: Bấy giờ, ở đây được đoạn, trở lại tương tục, tử kiết trở lại sinh.

Hỏi: Tư duy tương tục về sau, cũng lấy bất thiện làm nhân, vì sao lại nói là tư duy đầu tiên?

Đáp: Vì lúc ấy không thành tựu, nay thành tựu, không nối tiếp nhau, nay nối tiếp nhau.

Lại có thuyết nói: Không phải tất cả pháp, đối tượng dứt trừ của thấy đạo, đều làm nhân cho tất cả pháp nhiễm ô.

Hỏi: Nếu vậy thì thuyết đã nói trước khéo hiểu, còn Kinh Thức Thân của Ba-già-la-ra làm sao hiểu?

Đáp: Phải dùng tướng chung để giải thích. Vì sao? Vì tự có sắc nhiễm ô, vì pháp do thấy đạo thì dứt làm nhân, là chẳng phải tất cả sắc, cho đến hành ấm cũng giống như thế. Tự có nhãn thức nhiễm ô, vì pháp, do thấy đạo thì dứt làm nhân, chẳng phải tất cả thức, cho đến ý thức cũng giống như thế. Cho nên, nên dùng tướng chung để giải thích thuyết đã nói ấy.

Tôn giả Xa-ma-đạt-đa lập các sử khác, Ngài đã nói lời này: Tự có sử do thấy khổ mà dứt, lại dùng sử do thấy khổ mà dứt trừ làm nhân. Tự có sử do thấy khổ đã dứt, dùng sử do thấy khổ mà dứt trừ làm nhân, cũng dùng sử do thấy tập thì dứt làm nhân. Tự có sử do thấy tập mà dứt trừ, dùng sử do thấy tập thì dứt làm nhân, tự có sử do thấy tập thì dứt, dùng sử do thấy tập thì dứt làm nhân, cũng lấy sử do thấy khổ mà dứt làm nhân. Tôn giả ấy nói rằng, thật ra không có việc đó, vì phân biệt nên nói.

Nếu bậc Thánh thấy khổ mà không thấy tập, cho đến khởi từ Thánh đạo, từ Thánh đạo khởi rồi, nếu sử do thấy tập mà dứt trừ hiện ở trước thì sử này phải nói là nhân nơi thấy tập mà dứt trừ, là sinh các thấy tập mà dứt trừ, nhân thấy tập mà dứt trừ là sinh của thấy khổ mà dứt trừ.

Đáp: Nên nói rằng: Sử nhân do thấy tập mà dứt trừ, sinh ra thấy tập mà dứt trừ, sử nhân đối tượng dứt của thấy khổ sinh, không hiện ở trước. Vì sao? Vì nhân của sử kia đã dứt. Tự có sử do thấy diệt mà đoạn trừ như thế, chỉ lấy thấy diệt mà đoạn trừ làm nhân. Tự có sử do thấy diệt mà đoạn trừ, dùng thấy diệt mà đoạn trừ làm nhân, cũng lấy thấy khổ mà dứt trừ làm nhân. Tự có sử do thấy diệt mà đoạn trừ, dùng thấy diệt mà đoạn trừ làm nhân, cũng lấy thấy tập mà dứt trừ làm nhân.

Không có ba thứ nhân, thấy đạo thì dứt cũng giống như thế. Tự có pháp dứt trừ của tu đạo, chỉ dùng pháp dứt trừ của tu đạo làm nhân. Tự có pháp do tu đạo dứt trừ, dùng tu đạo dứt trừ làm nhân, cũng lấy thấy khổ mà dứt trừ làm nhân. Tự có pháp do tu đạo dứt trừ, dùng tu đạo dứt trừ làm nhân, cũng lấy thấy tập mà dứt trừ làm nhân.

Không có ba thứ nhân: Các chỗ dứt bỏ của tu đạo, chỉ dùng tu đạo dứt bỏ làm nhân, nghĩa là bậc Thánh khởi hiện ở trước. Các chỗ dứt bỏ tu đạo, dùng chỗ dứt bỏ do thấy khổ làm nhân, cũng lấy thấy tập mà dứt trừ làm nhân: bậc Thánh không khởi hiện ở trước. Vì sao? Vì nhân đã dứt trừ.

Tôn giả Xa-ma-đạt-đa nói như thế, thì hiểu chỗ đã nói trước. Tôn giả ấy nói như thế này: Như bậc Thánh đã lia đục cội Dục, các chỗ dứt trừ của tu đạo, dùng chỗ dứt trừ do tu đạo làm nhân: Các chỗ dứt trừ của tu đạo dùng thấy khổ mà dứt trừ làm nhân: các phiền não do tu đạo mà dứt lấy phiền não do thấy tập mà dứt làm nhân đều hợp lại thành bố, như chín phẩm dứt của pháp khắc khế. Về sau, thối lui về lia đục, các chỗ dứt trừ của tu đạo, dùng tu đạo dứt làm nhân: thành tựu cũng được. Các chỗ dứt trừ của tu đạo, lấy thấy đạo thì dứt làm nhân: thành tựu mà không được. Vì sao? Vì nhân đã dứt trừ. Sử do các tu đạo dứt trừ, đời vị lai thành tựu cũng được, sẽ khởi hiện ở trước. Quá khứ: thành tựu mà không được.

Lời Bình: Không nên nói như thế. Vì sao? Vì đồng một sử đối trị dứt trừ. Khi thối lui đối với đạo đối trị kia, làm sao thành tựu cũng được, làm sao thành tựu không được. Kinh Thức Thân của Ba-già-la-na đã nói như thế, sẽ hiểu được? Như thuyết trước là đúng.

Pháp do thấy đạo thì dứt làm nhân của tất cả pháp nhiễm ô.

Hỏi: Như duyên sử của tha giới, quả ái dứt, địa dứt, chủng dứt. Vì sao không sai khiến tha giới, tha địa, mà chỉ sai khiến tha chủng?

Đáp: Sử nhất thiết biến này ở trong năm thứ của tự địa, tự giới, vì có y, quả, nên có thể sai khiến. Tha giới, tha địa, vì không có y, quả, nên không sai sử.

Hỏi: Báo của sử nhất thiết biến, báo của nhất thiết bất biến sử có xoay vần làm nhân hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Báo của sử nhất thiết biến làm nhân cho báo của không phải sử nhất thiết biến, chẳng phải báo của sử nhất thiết biến không làm nhân cho báo của sử nhất thiết biến. Vì sao? Vì như nhất thiết biến làm nhân cho không phải nhất thiết biến. Báo của nhất thiết biến kia cũng làm nhân cho báo không là nhất thiết biến. Như tha chủng bất biến sử không thể làm nhân cho biến sử.

Cũng thế, báo của không là nhất thiết biến không thể làm nhân cho báo của nhất thiết biến.

Lời Bình: Nói như thế là đúng: Báo của nhất thiết biến làm nhân cho báo của chẳng phải nhất thiết biến. Báo của chẳng phải nhất thiết biến làm nhân cho báo của nhất thiết biến. Vì sao? Vì sử nhất thiết biến, nhất thiết bất biến sử khác với báo của sử tất cả biến. Báo của nhất thiết bất biến sử thì không khác và nhân của nhất thiết biến, định ở quá khứ, hiện tại, quả là quả của y báo.

Thế nào là nhân báo? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt nghĩa của kẻ khác. Việc ấy thế nào? Hoặc có thuyết nói: Là tư duy không còn có nhân báo, là thọ, không còn có quả báo, như phái Thí dụ giả nói: Tư là nhân báo, thọ là quả báo.

Vì ngăn dứt ý như thế, khiến là tư duy có nhân báo, là thọ có quả báo.

Lại có thuyết nói: Báo thành thực, thì nhân hoại mất. Kia nói như thế: Là nhân cho đến báo chưa thành thực, báo thành thực thì nhân sẽ hoại mất, như là hạt giống cho đến chưa nảy mầm, nảy mầm thì hạt giống sẽ hư. Vì ngăn ý như thế, nhằm thuyết minh báo thành thực, nhân không hoại mất.

Lại có thuyết nói: Vì ngăn ý của các ngoại đạo. Ngoại đạo nói: Các nghiệp thiện, ác không có báo quả. Vì ngăn ý này để nói các nghiệp thiện ác đều có quả báo.

Lại có thuyết nói: Vì nhằm ngăn ý của Bộ Ma-ha-tăng-kỳ. Bộ Ma-ha-tăng-kỳ nói rằng: Chỉ có pháp tâm, tâm sở có thể sinh báo chứ chẳng phải pháp khác.

Vì nhằm ngăn ý này, để nói năm ấm là nhân báo, là quả báo.

Vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, hiện nghĩa của mình, chỉ bày rõ về nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào nhân báo?

Đáp: Các pháp tâm, tâm sở, thọ báo sắc. Tâm, pháp tâm sở, tâm bất tương hành, cho đến nói rộng.

Sắc nghĩa là sắc ấm. Tâm là thức ấm. Pháp tâm sở là ba ấm. Tâm bất tương hành là sinh, già, trụ, vô thường. Năm ấm này là quả báo. Tâm hồi chuyển cũng gồm nhiếp ở trong pháp tâm, tâm sở.

Lại nữa, thân nghiệp, khẩu nghiệp thọ báo sắc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Như tâm hồi chuyển, nghiệp thân khẩu trước đã nói. Nay lại nói nghiệp thân, miệng là sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là tác, vô tác. Vì sao? Vì đồng thọ một quả. Không nên nói lời này, nói là đồng thọ một quả

Lại có thuyết nói: Ở đây nói tác tức là sát-na nảy sinh vô tác. Vì sao? Vì cùng một lúc thọ báo, việc này cũng không nhất định, hoặc có thọ trước, hoặc có thọ sau.

Lời Bình: Nên nói rằng: Là tác, vô tác. Lại nữa, tâm bất tương ứng hành thọ, báo sắc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Sinh, già, trụ, vô thường của pháp kia đã gồm nhiếp trong pháp kia. Nay nói tâm bất tương ứng hành là tâm bất tương ứng hành

nào?

Đáp: Là các báo đắc của: Định Vô tướng, định Diệt tận.

Hỏi: Định Vô tướng là thọ báo nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thọ Vô tướng và sắc, mạng căn, chỗ thọ thân là báo hữu tâm của thiên thứ tư. Ngoài ra, ấm là cộng báo.

Lại có thuyết nói: Định Vô tướng chỉ thọ báo Vô tướng, mạng căn, chỗ thọ thân, là báo hữu tâm của thiên thứ tư, ấm còn lại là cộng báo.

Lại có thuyết nói: Định Vô tướng thọ báo Vô tướng, mạng căn là thiên thứ tư, quả báo của hữu tâm ấm còn lại là cộng báo.

Lại có thuyết nói định Vô tướng thọ báo Vô tướng thọ báo Vô tướng, ấm còn lại là cộng báo.

Hỏi: Nếu vậy như chỗ đã nói làm sao hiểu? Một pháp là nghiệp báo hay chẳng phải nghiệp?

Đáp: Tất cả mạng căn đều là báo. Vì báo là do sự khác nhau của nghiệp, nên nói rằng: Một pháp là nghiệp, báo chẳng phải nghiệp.

Lại có thuyết nói: Đó là pháp ngôn thuyết của thế tục, như thấy người chết yểu, nói người này đã gây ra nghiệp đoản thọ, nếu thấy người sống lâu, nói là người đó gây ra nghiệp trường thọ. Mạng căn cũng từ sinh báo của phi nghiệp.

Lại có thuyết nói: Lúc vô tâm có thọ báo hữu tâm của thiên thứ tư, khi hữu tâm cũng thọ báo vô tâm.

Hỏi: Thế nào là lúc vô tâm cũng thọ báo hữu tâm của thiên thứ tư, khi hữu tâm cũng thọ báo của vô tâm chẳng?

Đáp: Nếu vậy thì có lỗi gì? Như lúc thọ báo sắc cũng thọ báo phi sắc, như khi thọ báo phi sắc cũng thọ báo sắc.

Tôn giả Xa-ma-đạt-đa nói: Báo của định Vô tướng được Vô tướng, được chỗ thọ thân có báo hữu tâm, được sắc, được mạng căn, tâm bất tương ứng hành khác. Tâm, pháp tâm sở chẳng phải báo.

Lời Bình: Không nên nói như thế, nói như vậy là đúng: Định Vô tướng không thể tạo ra chỗ thọ thân.

(Chỗ thọ thân có hai thứ:

1. Tánh của năm ấm.

2. Tâm bất tương ứng hành. Trong đó nói không tạo, nghĩa là không tạo đủ tánh của năm ấm). Vì sao? Vì chẳng phải nghiệp. Nghiệp có thể tạo chỗ thọ thân và có thể được báo mạng căn. Báo của định Vô tướng được Vô tướng, các ấm khác là báo quả kia. (Các ấm khác là năm tình căn, ngoài ra đều phải).

Hỏi: Định Diệt tận là thọ báo nào?

Đáp: Định Diệt tận không tạo chỗ thọ thân, nếu là nghiệp thì tạo ra chỗ thọ thân. Lúc thọ báo của định thì cũng thọ báo của bốn ấm ấy.

Hỏi: Các đắc được thọ báo nào?

Đáp: Đắc cũng không tạo chỗ thọ thân. Nếu gây ra nghiệp chỗ thọ thân, thì lúc thọ báo của đắc kia, cũng thọ sắc, pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ứng hành của báo đó. Sắc là: Bốn nhập. Bốn nhập là: Sắc, hương, vị, xúc. Tâm, pháp tâm sở là khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ và pháp tương ứng. Tâm bất tương ứng hành: Đắc, sinh, già, trụ, vô thường.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói rằng: Đắc có thể tạo ra chỗ thọ thân. Việc ấy thế nào? Chứ nhóm các đắc, có thể tạo ra chỗ thọ thân. Thọ thân si mê, không bén nhạy, thấp bé, báo như thế phải biết đều từ đắc sinh đắc, có thể tạo nên chỗ thọ thân, có thể được báo sắc, pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ứng hành.

sắc: Chín nhập, trừ thanh nhập. Tâm, pháp tâm sở: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ, bất lạc thọ và pháp tương ứng. Tâm bất tương ứng hành: Mạng căn, chỗ thọ thân, đắc, sinh, già, trụ, vô thường.

Lời Bình: Thuyết như thế là đúng. Đắc không thể tạo ra chỗ thọ thân. Vì sao? Vì nếu đắc đồng một quả thì có thể nói là chứa nhóm nghiệp, tạo ra chỗ thọ thân. Các đắc không đồng một quả thì cho dù có chứa nhóm trăm ngàn ức đắc đi nữa, cũng không thể tạo ra chỗ thọ thân, thì chứa nhóm có ích gì.

Tôn giả Phật-đà La-xoa nói: Đắc không thể tạo ra chỗ thọ thân, lúc thọ báo của chỗ thọ thân, cũng thọ báo của đắc kia, như xứ của mắt, sắc, hương, vị, xúc v.v... xoay vần thọ báo như thế, cho đến xứ của thân, sắc, hương, vị, xúc v.v... xoay vần thọ báo sinh, già, trụ, vô thường, không có báo riêng... Các pháp sinh, già, trụ, vô thường, lại thọ báo chung với pháp kia.

Hỏi: Báo đã được báo sẽ được có phải là nhân báo hay không?

Đáp: Là nhân báo.

Hỏi: Vì sao vẫn này không nói?

Đáp: Vì hiện tại hiển bày quá khứ, vị lai. Nếu nói hiện tại, phải biết cũng nói quá khứ, vị lai.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ lập bày là địa ngục, cho đến nhân trời, vì việc gì mà lập bày?

Đáp: Vì việc hiện tại nên lập bày, như nói báo hiện ở trước, đó gọi là chúng sinh địa ngục. Vì việc này nên chỉ nói hiện tại, như Ba-già-la- na nói.

Hỏi: Thế nào là pháp hữu báo?

Đáp: Pháp bất thiện, pháp thiện hữu lậu.

Hỏi: Điều kinh nói, cùng với văn này nói về nhân báo, có gì khác nhau?

Đáp: Thuyết kinh kia đã nói là liễu nghĩa, thuyết của văn này nói là bất liễu nghĩa. Ở đây có ý khác, kinh kia không có ý khác. Thuyết này có ý khác, thuyết kia không có ý khác. Thuyết này chưa trọn vẹn, thuyết kia đã trọn vẹn. Ở đây có bờ, có bóng, có nối tiếp nhau. Ở kia không bờ, không bóng, không nối tiếp nhau. Lại nữa, thuyết này nói sinh, thuyết kia nói sinh bất sinh, thuyết này nói về hiện tại, thuyết kia nói về ba đời. Văn này thuyết kia có khác nhau.

Hỏi: Hữu tác, vô tác có đồng một báo không?

Đáp: Không. Hữu tác có báo khác, vô tác có báo khác.

Hỏi: Thân, miệng hữu tác có đồng một báo không?

Đáp: Không chẳng phải thân hữu tác, báo cũng không đồng. Hữu tác của thân kia, có ngần ấy vi trần, có ngần ấy báo, tức sinh, già, trụ, vô thường kia, đều đồng một báo. Vì sao? Vì đồng một chỗ khởi ý, đồng một quả. Hữu tác có bảy thứ: Không sát sinh cho đến không nói lời thêu dệt, nên biết như vừa giải thích. Như bốn ấm thiện, bất thiện của pháp tâm, tâm sở trong cõi Dục làm nhân báo, đắc một quả. Hai ấm thiện bất thiện cõi Sắc, làm nhân báo, đắc một quả, một ấm của đắc sinh, già, trụ, vô thường làm nhân báo, đắc một quả. Năm ấm của hữu tâm hồi chuyển ở địa Sơ thiên, làm nhân báo, đắc một quả. Bốn ấm tâm thiện không hồi chuyển, tạo ra làm nhân báo đắc một quả. Hai ấm của thân khẩu thiện hữu tác làm nhân báo, đắc một quả. Một ấm của đắc sinh, già, trụ, vô thường làm nhân báo, đắc một quả. Năm ấm nơi hữu tâm hồi chuyển của Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, làm nhân báo, đắc một quả. Bốn ấm thiện của tâm không hồi chuyển làm nhân báo đắc một quả. Một ấm của đắc sinh, già, trụ, vô thường và một ấm của định Vô tưởng, làm nhân báo, đắc một quả. Bốn ấm của tâm thiện cõi Vô sắc, làm nhân báo đắc một quả. Một ấm của đắc, sinh, già, trụ, vô thường và một ấm của định Diệt tận, làm nhân báo đắc một quả.

Có nghiệp được báo của một nhập, nghĩa là mạng căn trong pháp nhập. Có nghiệp được báo của hai nhập, đó là ý nhập, pháp nhập. Xúc nhập, pháp nhập cũng giống như thế. Nếu được báo của nhãn nhập thì sẽ được bốn nhập: Nhãn nhập, thân nhập, xúc nhập và pháp nhập. Như nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt nhập cũng giống như thế.

Nếu được thân nhập thì được ba nhập: thân nhập, xúc nhập và

pháp nhập. Như thân nhập, sắc hương vị nhập cũng giống như thế.

Nhiều người nói lời này: Tất cả bốn đại có thể sinh ra sắc, thanh. Tất cả Sắc, hương, vị, của cõi Dục, không lìa nhau. Nếu nghiệp báo được nhãn nhập, thì bấy giờ sẽ được bảy nhập: Nhãn, thân, sắc, hương, vị, xúc, pháp. Như nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt nhập cũng giống như thế. Nếu được thân nhập, thì sẽ được sáu nhập: Thân, sắc, hương, vị, xúc, pháp. Nếu được sắc nhập thì sẽ được năm nhập: Sắc, hương, vị, xúc, pháp. Như sắc nhập, hương, vị, xúc nhập cũng giống như thế. Có nghiệp báo được tám nhập, chín nhập, mười nhập, mười một nhập.

Hỏi: Vì sao nghiệp hoặc báo được nhiều nhập, còn báo được ít nhập?

Đáp: Có nghiệp được nhiều thứ quả, có nghiệp không được nhiều thứ quả. Được nhiều thứ quả là được nhiều nhập, không được nhiều thứ quả là được ít nhập. Như hạt giống pháp nhỏ, có loại được quả nhiều, có loại được quả ít. Được quả nhiều như mía, nho, nếp, ngô sen, hạt, hoa v.v... Được quả ít như gieo trồng hạt cây Bà la, về sau, mọc lên rất cao, chỉ có một lá, hình nó trông như chiếc lông. Như cỏ Tu-chi v.v... dù mọc rất cao, nhưng chỉ có một lá. Nghiệp kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao nghiệp một đời được báo ba đời, không có nghiệp ba đời được báo một đời?

Đáp: Không có nhiều nghiệp sinh ra ít quả, cũng thế có nghiệp một sát-na, được báo nhiều sát-na, không có nghiệp nhiều sát-na được báo một sát-na.

Hỏi: Trước gây ra nghiệp làm chỗ thọ thân, hay trước tạo mãn nghiệp?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trước gây ra nghiệp, rồi sau đó mới tạo mãn nghiệp. Nếu không có người tạo thì nghiệp kia làm sao được mãn? Cũng như họa sĩ, trước phải phác họa, sau đó dùng nhiều màu để vẽ sao cho bức tranh được đầy đủ, hoàn thành. Kẻ gây ra nghiệp kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Trước tạo ra mãn nghiệp sau đó tác nghiệp, như Bồ-tát đã tu tập mãn nghiệp ròng rã suốt ba A-tăng-kỳ kiếp, đến thân sau cùng mới gây ra nghiệp ở chỗ thọ thân.

Bình luận: Nên nói là: Không nhất định, hoặc có khi trước tạo tác nghiệp, sau mới tạo ra mãn nghiệp, hoặc có lúc trước tạo tác nghiệp, sau mới khởi gây ra nghiệp.

Có ba thứ nghiệp: Nghiệp hiện báo, nghiệp sinh báo và nghiệp hậu báo.

Thế nào là nghiệp hiện báo? Nếu nghiệp được tạo ra ở đời này, cũng giúp tăng ích cho nghiệp đó, thì sẽ được báo ngay ở đời này chứ chẳng phải đời khác, đó gọi là nghiệp hiện báo.

Nghiệp sinh báo là sao? Nếu đã gây ra nghiệp ở đời này, cũng giúp cho nghiệp ấy được tăng ích, sẽ được báo ở đời kế tiếp, chẳng phải đời khác, đó gọi là nghiệp sinh báo.

Nghiệp hậu báo là thế nào? Nếu gây ra nghiệp ở đời này, cũng giúp tăng ích cho nghiệp đó, sẽ được báo ở đời sau, đó gọi là nghiệp hậu báo.

Thế nào là nghĩa báo?

Đáp: Nghĩa không giống nhau là nghĩa báo. Báo có hai thứ: Có báo giống nhau và báo không giống nhau. Báo giống nhau là: Như pháp thiện có chỗ dựa thiện, pháp bất thiện có chỗ dựa bất thiện, pháp vô ký có chỗ dựa vô ký. Báo không giống nhau là: Như pháp thiện, bất thiện, được báo vô ký.

Hỏi: Nếu nghĩa không giống nhau là nghĩa báo, là như địa ngục gây ra nghiệp bất thiện, thọ báo vô ký, cũng không giống nhau, vì sao nói là không có báo?

Đáp: Nghiệp kia cũng là báo chỉ là thấp kém, vì thấp kém nên gọi là không có báo. Như thôn xóm thấp kém gọi là không có thôn xóm.

Lại nữa, nghiệp kia cũng có báo, vì nổi khổ rất thống thiết, nên gọi là không có báo, giống như người thợ gốm không có phương tiện khéo léo, dùng nhiều củi để nung đốt đồ vật, đốt già lửa quá, đồ vật bị tan nát rồi nói là đồ vật không chín. Nghiệp kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì không có quả thiện, nên nói không có báo, nghĩa là trong nghiệp kia không có báo thiện.

Hỏi: Trong đường ngạ quỷ, súc sinh cũng có báo thiện, tại sao nói là không có báo?

Đáp: Vì ít, nên nói không có.

Lại nữa, dù nghiệp kia có báo thiện, nhưng chỉ bớt chứ không thêm, cũng như kho lúa, chỉ có xuất không có nhập, gọi là kho lã trống rỗng.

Lại có thuyết nói: Mặc dù nghiệp kia có báo đã đến, nhưng vì chẳng phải chỗ, nên nói không có báo.

Hỏi: Vì sao pháp thiện bất thiện hữu lậu thì sinh báo, còn pháp vô ký vô lậu lại không sinh báo?

Đáp: Như hạt giống bên ngoài, tánh chất nó chắc thật, không hư mục, phân đất được điều hòa, thích hợp, tưới tiêu đúng thời vụ, cũng

do công sức của mình, cộng với công sức của các công cụ, sau đó hạt giống mới nảy mầm. Nếu hạt giống chắc thật, không hư mục được gieo trồng trong thửa ruộng tốt. Như hạt giống bên ngoài chắc thật, không hư mục, không bón phân, vun đất cho điều hòa, thích hợp, tưới tiêu không đúng lúc, không có công sức của các công cụ, tất nhiên sẽ không thể mọc mầm như hạt giống chứa trong kho. Như hạt giống bên ngoài, nếu không hư hoại cũng không chắc thật, yếu kém, mục nát, thì dù cho có vun đất, bón phân, điều hòa thích hợp, tưới tiêu kịp thời vụ, đúng lúc, nhưng vì tánh chất của hạt giống quá yếu ớt, nên không thể nảy mầm như hạt giống hư mục trong thửa ruộng tốt. Như pháp duyên khởi bên ngoài có ba thứ, pháp duyên khởi bên trong cũng có ba thứ, như hạt giống đầu tiên, pháp hữu lậu thiện, bất thiện, tánh của chúng không hư mục, chắc thật, rưới nước ái lên, các phiền não khác như: Phân, đất, điều hòa thích hợp, cũng dùng tự lực, cộng với công sức của các công cụ, sinh ra mầm hữu, như hạt giống ở ngoài được gieo trong ruộng phì nhiêu.

Như hạt giống thứ hai, pháp thiện vô lậu như thế, tánh của chúng chắc thật, không hư mục, không có rưới bằng nước ái, cũng không có đất phân phiền não, điều hòa, không có công sức của các công cụ, nên không sinh mầm hữu, như hạt giống còn ở trong kho.

Như hạt giống thứ ba, pháp vô ký như thế, cũng chẳng phải không hư mục, không chắc thật, tánh của chúng yếu kém, hư hoại, dù có dùng nước ái rưới lên phân đất phiền não được trộn đều, thích hợp, nhưng vì tự tánh của hạt giống yếu kém, nên không nảy mầm hữu, như hạt giống thối nằm trong thửa ruộng tốt.

Hỏi: Vì sao pháp vô lậu không sinh báo?

Đáp: Tánh của hành khổ, tập thì có thể sinh ra báo. Vô lậu là đạo đối trị khổ tập, nên không sinh báo. Cũng thế hành nơi các hữu, nơi đạo sinh tử, lão, bệnh của thế tục, thì có báo. Pháp vô lậu dứt bỏ các hữu nơi đạo sinh chết, già, bệnh của thế tục nên không sinh báo.

Lại nữa, như pháp vô lậu có báo, nghĩa là đạo vô lậu thì nối tiếp với thế tục, nếu nối tiếp với đạo thế tục thì không có việc này.

Lại nữa, đạo vô lậu không có đồ đựng của báo, nếu pháp vô lậu có báo thì sẽ thọ báo ở chỗ nào? Nếu thọ báo ở cõi Dục, thì chẳng phải pháp thuộc về cõi Dục. Nếu thọ báo ở cõi Sắc thì chẳng phải pháp thuộc về cõi Sắc, nếu thọ báo ở cõi Vô sắc, thì chẳng phải pháp thuộc về cõi Vô sắc, trừ pháp lệ thuộc ba cõi, không có đồ đựng của báo.

Lại nữa, nếu pháp vô lậu có thể sinh ra báo, thì pháp vượt hơn là

thấp, làm nhân của nhân, là quả vô lậu thiện, là hữu lậu, vô ký.

Lại nữa, pháp vô lậu là đối trị, nếu sẽ sinh báo, thì cần phải đối trị, pháp đối trị kia cần phải đối trị, như thế thì tiện vô cùng, nếu vô cùng thì sẽ không có xuất ly, giải thoát. Vì khiến cho không có lỗi như thế, nên nói pháp vô lậu không có báo.

Hỏi: Vì sao pháp vô ký không có báo?

Đáp: Pháp hữu ký có thể sinh báo. Nếu là pháp vô ký có thể sinh báo, pháp báo như thế lại có thể sinh ra báo. Nếu báo lại sinh báo, tức là vô cùng, cho đến nói rộng. Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên nói pháp vô ký không có báo.

Có các thứ pháp dùng báo để nói tên: Hoặc có pháp là nương, hoặc có pháp là tăng ích, hoặc có pháp là tướng sang, hèn, đói khát, hoặc có pháp Phạm thiên đương lai, hoặc có tức báo.

Những pháp như thế dùng báo đặt tên: Hoặc có pháp là nương, lấy báo đặt tên, như nói: Ai là người thọ báo? Phải nói ái là ngã, nói ái là thọ báo. Hoặc có pháp tăng ích, dùng báo gọi là tên: Như nói lạc thọ là báo của uống ăn, thuốc thang, v.v... Hoặc có tướng sang trọng, hèn kém, đói khát, dùng báo để đặt tên, như nói: Mặt trời, mặt trăng di chuyển trên quỹ đạo như thế, có tướng như thế, là phải có báo của sự sang trọng, hèn kém, đói khát, v.v... Hoặc có Phạm thiên đương lai, sẽ dùng báo đặt tên, như nói: Nay ánh sáng này soi chiếu, là vì Phạm thiên đương lai hay vì có việc khác? Chúng ta không hành động khác, sẽ phải chờ đợi ánh sáng này là có báo gì?

Hoặc có tức báo dùng báo để gọi là tên, như nay báo của văn này là đắc, sắc, pháp tâm, tâm sở, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì dùng một nghiệp tạo ra một chỗ thọ thân, hay vì dùng một nghiệp tạo ra nhiều chỗ thọ thân. Nếu dùng một nghiệp tạo ra một chỗ thọ thân, thì Kinh Thi Thiết nói, làm sao hiểu được? Như nói: Như chúng sinh này, xưa lúc làm người, đã từng làm đại vương, hoặc làm đại thần, nhận lấy của phi pháp để cung phụng cho bản thân mình và vợ con, tôi tớ, binh sĩ, vì báo của hành vi ác này, nên đọa vào địa ngục A-tỳ. Chết đi ở chỗ đó, do quả báo của hành vi ấy nên không được sinh trong bốn châu thiên hạ, mà làm chúng sinh tánh nước trong biển cả, hình thù rất to, lớn, ăn rất nhiều, thường nuốt chúng sinh, các chúng sinh bị nuốt lại ăn nuốt chúng sinh khác. Xoay vần như thế, cứ ăn nuốt lẫn nhau.

Có chúng sinh khác đeo bám vào thân nó, như bầu lấy lông, rút rủa thân, thường chịu đau khổ. Vì chịu đau khổ, nên cọ sát thân vào núi Phả lê, giết các chúng sinh, máu chảy nhuộm đỏ dòng sông, cả trăm do-

tuần. Với kinh A-ni-lô-đầu làm sao hiểu, như nói: Các Trưởng lão! Ta nhờ quả báo của một bữa ăn, nên đã làm trời Ba Mười Ba trong bảy đời, có nhân duyên với Ma ha Ca-diếp tại nước Ba-la-nại. Lại làm sao hiểu, như nói: Ta do báo thí cho một chậu đựng cơm, phải một ngàn lần sinh đến châu Uất-đơn-việt. Với kinh Nhất Luống Diêm Dự, làm sao hiểu? Như nói: Ngần ấy báo hành của địa ngục, thọ nhận ở hiện thân, hành báo của hiện thân, sẽ thọ ở địa ngục. Nếu một nghiệp tạo nhiều chỗ thọ thân, thì kinh Niết Tỳ Đà nói làm sao hiểu? Như nói: Do nghiệp báo này nên đọa vào địa ngục, do nghiệp báo khác, cho đến sinh trong chư thiên. Với Kinh Thi Thiết lại làm sao hiểu? Như nói: Do các thứ nghiệp khác nhau, các thứ hành duyên, mỗi thứ thế lực, liền lập bày các cõi. Do hưởng đến các thứ khác nhau, các thứ thế lực, các thứ hành duyên, nên lập bày các sự sinh. Do sinh khởi các thứ khác nhau, các thứ thế lực, các thứ hành duyên, nên an lập các căn. Do căn cơ có các thứ khác nhau, các thứ thế lực, các thứ hành duyên nên lập bày ra con người.

Thế nào là có ba nghiệp khác nhau? Đó là nghiệp hiện báo, nghiệp sinh báo, nghiệp hậu báo. Với Kinh Thi Thiết nói lại làm sao hiểu? Như nói: Tu hành rộng khắp, tăng thượng tội sát sinh, khi chết sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ, trung, hạ, cho đến nói rộng.

Lời bình: Nên nói lời này: Một nghiệp tạo ra một chỗ thọ thân.

Nếu vậy thì thuyết sau khéo hiểu, còn như thuyết trước nói làm sao hiểu? Như Kinh Thi Thiết đã nói.

Đáp: Ở đây nói biệt nghiệp, không nói một nghiệp. Khi báo khác vốn gây ra nghiệp, đã gây ra nghiệp của năm đường. Vì gây ra nghiệp của hai đường, nên đọa vào hai đường là: Nghiệp đường địa ngục và nghiệp đường súc sinh. Nghiệp địa ngục: đọa vào địa ngục. Nghiệp súc sinh: đọa vào súc sinh.

Hỏi: Với kinh A-ni-lô-đầu làm sao hiểu?

Đáp: Nếu thọ báo của thức ăn để ăn, thì sẽ không có báo. Vì sao? Vì là pháp vô ký, vì ăn, nên nói rằng vì ăn làm sinh nhiều tư duy tốt, vì tư duy nhiều, nên thọ sinh cũng nhiều. Hoặc có người nhận lấy quả trong cõi trời, hoặc có kẻ nhận lấy quả trong cõi người. Nhận lấy quả trong trời là: sinh trong cõi trời. Nhận lấy quả trong cõi người là: sinh trong cõi người.

Lại có thuyết nói: Nói báo của bố thí cho một bữa ăn là: Nhận lấy hạt giống ban đầu, nhờ bố thí một bữa ăn, nên sẽ sinh vào nhà rất giàu, nhiều cửa cải, châu báu.

Hoặc có thuyết nói: Người kia có nhớ lại đời trước. Hoặc có thuyết

nói: Có sức của nhân trước kia, lại dùng trăm ngàn thức ăn để bố thí, ở chỗ này qua đời, lại chuyển sinh vào nhà rất giàu, nhiều tài sản, của báu.

Lại thực hành bố thí, do việc ấy nên nói như thế này: Giống như người làm ruộng, vào mùa xuân, xuống giống một đấu. Cuối vụ, thu hoạch chắc hạt, không dám ăn dùng, rồi lại gieo trồng nữa. Siêng năng gieo trồng như thế không ngơi nghỉ, về sau, nhà nông ấy sẽ thu hoạch được trăm, ngàn học lúa chắc. Người ấy ở trong đại chúng, làm tiếng gầm của sư tử, như thế này: Tôi gieo trồng một học hạt chắc, nay đã được trăm ngàn học.

Người kia không thể dùng một học hạt giống mà được trăm ngàn học hạt chắc, vì hạt giống chuyển biến sinh nhau, nên mới được hạt chắc như thế. Như người với một lượng vàng, lại muốn lời gấp bội được trăm, ngàn lượng. Sự bố thí kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Người kia dùng một bữa ăn để bố thí, tạo ra nghiệp thượng, trung, hạ. Hạ là sinh vào cõi người, trung là sinh vào cõi trời, thượng là xuất gia được giải thoát.

Về nhân duyên của Ma ha Ca-diếp, cũng sẽ được giải thích như thế. Với kinh Nhất Lượng Diêm Dụ, làm sao hiểu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trong kinh kia nêu: Hai người tạo ra hai nghiệp, nhận lấy hai báo. Có hai người cùng làm việc sát sinh, cùng tạo ra nghiệp địa ngục, một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, đọa vào địa ngục. Một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, được sinh lại cõi người.

Lại có thuyết nói: Kinh này nói một người tạo ra hai nghiệp, nhận lấy hai báo. Tạo ra một nghiệp báo, sẽ đọa vào địa ngục, tạo ra nghiệp báo khác sẽ được sinh trong cõi người, nếu không tu thân v.v... thì sẽ đọa vào địa ngục. Nếu tu thân... sẽ được lại làm người.

Lại có thuyết nói: Kinh này nói một người tạo ra một nghiệp, thọ hai thứ báo. Như một người sát sinh, phải thọ báo địa ngục, nghiệp báo ứng của người kia sinh trong lại làm, nếu không tu thân v.v... sẽ đọa vào địa ngục, lẽ ra sinh trong loài người, báo trụ trong pháp bất sinh. Nếu tu thân... sẽ được sinh trong cõi người, đáng lẽ sinh báo địa ngục, trụ trong pháp không sinh.

Người kia không nên nói rằng, vì nếu nói lời ấy thì sẽ phá đường, phá nghiệp: Một nghiệp cũng là nghiệp địa ngục, vừa là nghiệp người, vừa là đường ác, vừa là đường thiện. Nên nói lời này: Kinh ấy nói: Một người tạo ra một nghiệp, nhận lấy một báo, như một người sát sinh, tạo

ra nghiệp báo địa ngục. Sau đó, xuất gia trong pháp Phật, siêng năng phương tiện tạo cầu đạo, chứng được quả A-la-hán. Nhờ tu đạo, nên nhận lấy nghiệp địa ngục, thọ thân người. Vì việc này, nên Tôn giả Hòa-tu-mật đã nói rằng: Nghiệp địa ngục có thể thọ thân người hay không?

Đáp: Có thể thọ thân người, vì có sức tu đạo, như người nấu cơm, vì nước thấm vào tay, nên lúc lấy cơm không bị phỏng tay, nếu không thấm thì bị phỏng. Nghiệp kia cũng giống như thế.

Hỏi: Văn kinh Diêm Dụ nói ngần ấy, thế nào là ngần ấy?

Lại có thuyết nói: Một nghiệp có thể tạo ra nhiều chỗ thọ thân.

Hỏi: Nếu vậy thì thuyết trước đã nói khéo hiểu, còn thuyết sau nói làm sao hiểu?

Đáp: Hoặc có nghiệp khác nhau, chuyển hành, hoặc có nghiệp không khác nhau, không chuyển hành. Nếu nghiệp khác nhau chuyển hành, thì hiểu thuyết trước đã nói. Các nghiệp không khác nhau, không chuyển hành, sẽ hiểu được thuyết sau.

Cũng thế, nghĩa là thuyết trước, sau đều được khéo hiểu.

Lời Bình: Nên nói rằng: Một nghiệp tạo ra một chỗ thọ thân. Nếu thế thì ba nghiệp như hiện báo v.v... có sự khác nhau, gây ra nghiệp bất thiện tăng thượng, đọa vào địa ngục, thọ báo bất thiện tăng thượng, gây ra nghiệp trung, đọa vào súc sinh, thọ báo trung, nghiệp hạ đọa vào ngạ quỷ, thọ báo hạ.

Lại có thuyết nói: Gây ra nghiệp tăng thượng đọa vào địa ngục, thọ báo tăng thượng. Báo trung đọa vào súc sinh, ngạ quỷ, như thuyết trước đã nói.

Lại có thuyết nói: Gây ra nghiệp tăng thượng đọa vào địa ngục, nhận lấy ba thứ báo. Nghiệp trung đọa vào súc sinh, thọ báo phẩm trung, báo phẩm hạ, đọa vào ngạ quỷ, như trước đã nói.

Lại có thuyết nói: Nghiệp tăng thượng sinh trong địa ngục, thọ ba thứ báo, nghiệp trung đọa vào súc sinh, thọ ba thứ báo, nghiệp phẩm hạ sẽ đọa vào ngạ quỷ, cảm chịu báo trung, hạ.

Lại có nói rằng: Nghiệp tăng thượng đọa vào địa ngục, nhận chịu ba thứ báo, nghiệp phẩm trung đọa vào súc sinh, nhận lấy ba thứ báo, nghiệp phẩm hạ đọa vào ngạ quỷ, nhận lấy ba thứ báo.

Bình luận: Nên nói lời này: Hoặc có nghiệp thượng, trung, hạ đọa vào địa ngục, mỗi nghiệp đều tiếp nhận ba thứ báo. Súc sinh, ngạ quỷ cũng giống như thế. Hoặc có người tạo ra ba thứ nghiệp đọa vào súc sinh, ngạ quỷ, mỗi nghiệp đều nhận lấy ba thứ báo, tạo nên

ngiệp thiện tăng thượng cõi Dục, sinh trong Trời Tha hóa tự tại, thọ báo thiện tăng thượng, nghiệp trung sinh trong năm tầng trời, thọ báo trung, nghiệp hạ sinh trong cõi người, thọ báo hạ.

Hỏi: Nếu nghiệp hạ sẽ sinh trong cõi người, thọ báo phẩm hạ, thì nghiệp của Bồ-tát là thọ báo trong loài người, nghiệp này là trên hết, vì sao lại nói sinh nghiệp người là thấp?

Đáp: Nghiệp của Bồ-tát vượt hơn, nghĩa là tự có duyên khác. Vì sao? Vì thân này là chỗ nương của lực, vô úy. Nếu do thọ báo nhẹ nhàng là thắng nghiệp của trời Tha hóa tự tại. Vì sao? Vì báo thân của họ nhẹ nhàng, không nhớ, giống như ngọn đèn, còn báo thân của Bồ-tát có phần cấu uế, bất tịnh.

Lại có thuyết nói: Nghiệp thiện tăng thượng sinh lên tầng trời Tha hóa tự tại, thọ ba thứ báo. Trong năm tầng trời, trong cõi người, như trước đã nói.

Thiện nghiệp hạ, trung, thượng như thế từ tầng trời Tha hóa tự tại chuyển tăng, cho đến trong cõi người, cũng như nghiệp bất thiện rộng phân biệt như trước.

Bình luận: Nên nói rằng: Hoặc có nghiệp thượng, trung, hạ sinh lên tầng trời Tha hóa tự tại, đều thọ ba thứ báo. Trong năm cõi trời, cõi người cũng giống như thế.

Hoặc có thuyết nói: Tạo ra ba thứ nghiệp sinh lên năm cõi trời và trong cõi người đều thọ ba thứ báo: Địa Sơ thiên tạo ra ba thứ nghiệp không khác nhau. Sinh trong địa Sơ thiên thọ ba thứ báo không khác nhau. Tạo ra nghiệp phẩm hạ của Đệ Nhị thiên, sinh trong sinh lên tầng trời Thiếu quang, thọ báo phẩm hạ. Nghiệp trung sinh lên tầng trời Vô lượng quang, thọ báo trung. Nghiệp thượng sinh lên tầng trời Quang âm, thọ báo thượng. Gây ra nghiệp hạ của thiên thứ ba, sinh lên tầng trời Thiếu tịnh, thọ báo phẩm hạ. Nghiệp trung sinh lên tầng trời Vô lượng tịnh, thọ báo trung. Nghiệp thượng sinh lên tầng trời Biến tịnh, thọ báo thượng. Gây ra nghiệp phẩm hạ của thiên thứ tư sinh lên tầng trời Vô quái ngại, thọ báo hạ. Nghiệp trung sinh lên tầng trời Thọ phước, thọ báo trung. Nghiệp trung tăng thượng sinh lên tầng trời Quảng quả, thọ báo phẩm thượng.

Huân tu thiên phẩm hạ sinh lên tầng trời Bất phiền, thọ báo hạ. Huân tu thiên phẩm trung sinh lên tầng trời Bất nhiệt, thọ chịu báo trung. Huân tu thiên phẩm thượng sinh lên tầng trời Thiện kiến, thọ báo thượng. Huân tu thiên thắng thượng vượt hơn, sinh lên tầng trời Thiên kiến, thọ báo thượng. Huân tu thiên thắng thượng, sinh lên tầng

trời Thượng Thiện Kiến, thọ báo thắng thượng vượt hơn. Huân tu thiên thắng thượng đủ, sinh trời Sắc rốt ráo, thọ báo thắng thượng tròn đầy. Tạo ra nghiệp không khác nhau, sinh Không xứ, thọ chịu báo không khác nhau, cho đến gây ra nghiệp không khác nhau, sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, thọ chịu báo không khác nhau.

Gây ra nghiệp bất thiện, địa ngục là nơi thọ thân, đọa vào địa ngục, thọ chịu báo bất thiện, sắc, pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ưng hành. Sắc, là chín nhập, trừ thanh nhập. Tâm, pháp tâm sở: là khổ, thọ và pháp tương ưng. Tâm bất tương ưng hành: là mạng căn, chỗ thọ thân, đắc, sinh, già, trụ, vô thường.

Nghiệp bất thiện tạo ra chỗ thọ thân là súc sinh, ngạ quỷ. Đọa vào súc sinh, ngạ quỷ, thọ chịu báo bất thiện, bất thiện. Sắc, pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ưng hành. Sắc là: Sắc có bất thiện, có chín nhập, trừ thanh nhập. Tâm, pháp tâm sở là: Khổ thọ và pháp tương ưng. Tâm bất tương ưng hành là: Mạng căn, chỗ thọ thân, đắc, sinh... Thiện sắc có bốn nhập: Sắc, hương, vị, xúc. Tâm, pháp tâm sở là: Lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ và pháp tương ưng, Tâm bất tương ưng hành là: đắc, sinh...

Lại có thuyết nói: Nghiệp thiện không sinh báo sắc thiện trong súc sinh, ngạ quỷ, hoặc sinh báo, sinh pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Nay hiện thấy hình sắc súc sinh, ngạ quỷ tốt đẹp, hoặc có hình sắc xấu xí, lý do vì sao?

Đáp: Hoặc có nghiệp bất thiện, nghiệp bất thiện làm quyến thuộc, nghiệp thiện làm quyến thuộc.

Các nghiệp bất thiện làm quyến thuộc: Hình sắc xấu xí, nghiệp thiện làm quyến thuộc: sức của nghiệp thiện kia che lấp nghiệp bất thiện, khiến cho sắc hình được tốt đẹp. Nghiệp thiện tạo ra chỗ thọ thân của người. Sáu tầng trời cõi Dục, sinh trong chỗ thọ chịu báo bất thiện, bất thiện.

sắc, pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ưng hành: Sắc là: Sắc có báo bất thiện có chín nhập, trừ thanh nhập. Tâm, pháp tâm sở là lạc thọ, bất khổ, bất lạc thọ và pháp tương ưng. Tâm bất tương ưng hành: là Mạng căn, chỗ thọ thân, đắc, sinh... Sắc của báo bất thiện có bốn nhập: Sắc, hương, vị, xúc. Tâm, pháp tâm sở: Khổ thọ và pháp tương ưng. Tâm bất tương ưng hành là: Đắc, sinh v.v...

Lại có thuyết nói: Nghiệp bất thiện không sinh trong cõi người. Sáu tầng trời cõi Dục. Sắc của báo bất thiện hoặc sinh báo, sinh pháp tâm, tâm sở, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Nay hiện thấy người, trời, hoặc có sắc hình xấu xí hay tốt đẹp?

Đáp: Hoặc có nghiệp thiện, nghiệp thiện làm quyến thuộc, nghiệp bất thiện làm quyến thuộc. Nghiệp thiện làm quyến thuộc thì: hình sắc xinh đẹp. Nghiệp bất thiện làm quyến thuộc thì: Nghiệp bất thiện kia che lấp nghiệp thiện, làm cho sắc hình xấu xí. Nghiệp thiện tạo ra chỗ thọ thân cõi Sắc, Vô sắc, sinh trong cõi đó, thọ chịu báo thiện.

Hỏi: Sinh trong cõi người có hai hình: là báo của nghiệp thiện hay báo của nghiệp bất thiện?

Đáp: Một hình là báo của nghiệp thiện, hoặc chẳng phải thời, chẳng phải xứ, sinh hình thứ hai là báo bất thiện.

Lại có thuyết nói: Thể của các căn là báo của nghiệp thiện, xứ sở của căn là báo của nghiệp bất thiện.

Hỏi: Vì sao nghiệp bất thiện cõi Dục thọ báo một kiếp, còn nghiệp thiện thì không?

Đáp: Vì nghiệp bất thiện tự có việc vượt hơn. Vì sao? Vì thọ báo trong năm đường. Nghiệp thiện tự có việc vượt hơn. Vì sao? Vì thọ báo trong ba cõi, tự có việc cùng vượt hơn. Vì sao? Vì đều thọ báo năm ấm.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao nghiệp bất thiện cõi Dục, thọ báo một kiếp, còn nghiệp thiện thì không?

Đáp: Do cõi Dục là cõi bất định, chẳng phải địa vị lia dục, địa tu, cho nên nghiệp bất thiện thọ báo một kiếp, nghiệp thiện thì không.

Lại có thuyết nói: Căn bất thiện cõi Dục mạnh mẽ, còn căn thiện thì yếu kém. Lại nữa, căn bất thiện cõi Dục thường tăng trưởng, căn thiện thường không tăng trưởng. Lại nữa, căn bất thiện cõi Dục là cự trụ, căn thiện là khách, thế lực của cự trụ vượt hơn, còn khách thì không bằng. Hơn nữa, căn bất thiện cõi Dục có thể dứt trừ căn thiện, còn căn thiện cõi Dục thì không thể dứt trừ căn bất thiện. Lại nữa, pháp cõi Dục không ghen ghét, nhau, cũng như vợ chồng sống không có ganh ghét, như con của Cư sĩ giao du với con của Chiên-đà-la. Lại nữa, vì không có đồ đựng báo, nên tất cả xứ trong cõi Dục không có đồ đựng để thọ báo của nghiệp thiện trải qua một kiếp.

Hỏi: Như núi Tu-di, núi vàng, v.v... trong bốn châu thiên hạ, đây chẳng phải đồ đựng của một kiếp chăng?

Đáp: Nói chẳng phải đồ đựng của báo: là núi Tu-di, núi vàng, v.v... của bốn châu thiên hạ này chẳng phải báo thiện.

Lại nữa, nếu nghiệp thiện cõi Dục có thể được báo một kiếp, thì

do đâu mà được? Chỉ có nghiệp thiện trên hết, nhưng nghiệp thiện trên hết lúc lìa dục được, do nghiệp lìa dục không thể tạo ra chỗ thọ thân.

Lại nữa: Trước đã nói rằng: Nghiệp bất thiện thọ báo năm đường.

Hỏi: Nhân luận sinh luận, vì sao nghiệp thiện không thọ báo năm đường?

Đáp: Nên đáp như trước, về căn thiện Dục, trong đó chỉ có một thiện bất cộng, nghĩa là cõi Dục là hạt giống của thừa ruộng bất thiện, pháp bất thiện dễ trồng, pháp thiện khó trồng, như cỏ trong ruộng dễ tăng trưởng, nếp v.v... khó sinh.

Kinh Phật nói: Nghiệp là nhân của mắt. A-tỳ-đàm nói: Bốn đại là nhân của mắt.

Lại có thuyết nói: Mắt là nhân của mắt, ba thuyết này nói có gì khác nhau?

Đáp: Vì nhân báo, nên kinh Phật nói nghiệp là nhân của mắt, do nhân của sinh, nhân chỗ dựa, nhân trụ, nhân tăng trưởng và nhân nhuận ích, vì là nhân sinh v.v... nên nói bốn đại là nhân của mắt, mắt cũng là nhân của mắt, vì sao kinh Phật chỉ nói nghiệp là nhân của mắt?

Đáp: Nghiệp là nghiệp của chính chúng sinh, vì nghiệp nên sinh, nghiệp là nơi chúng sinh nhận lấy quả, của cải. Chúng sinh thuộc về nghiệp, chúng sinh do nghiệp, nên có sự khác nhau, đó là sang, hèn, tốt, xấu.

Lại nữa, do nghiệp có nhiều thứ khác nhau Các thứ thế lực, các thứ hành duyên, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Do nghiệp nên tuổi thọ có thêm bớt, mạnh khỏe, suy yếu, tiến, thối.

Lại có thuyết nói: Do nghiệp, nên có kẻ ngu si, thông minh.

Lại có thuyết nói: Do nghiệp nên các thế giới, các chúng sinh, các đường đều thọ báo khác nhau.

Lại có thuyết nói: Do nghiệp nên bầy chúng có khác nhau thứ lớp.

Lại có thuyết nói: Tất cả chúng sinh đều bị nghiệp để lại dấu vết. Lại nữa, do nghiệp khác nên các căn cũng khác, như vì hạt giống khác, nên mầm cũng khác.

Kinh Phật nói: Nếu người tu hành, sát sinh nhiều thì sẽ đọa vào địa ngục. Từ cõi ấy qua đời, sẽ sinh trong cõi người, mạng sống ngắn ngủi.

Hỏi: Tức do nghiệp đọa vào địa ngục, đến lên cõi người, phải bị

chết yếu chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tức do như lời dạy tu hành, sát sinh rộng khắp, đọa vào địa ngục, địa ngục chết đi, sẽ sinh lên cõi người, thọ mạng ngắn ngủi.

Lại có thuyết nói: Do nghiệp sát sinh, nên đọa vào địa ngục, do nghiệp phước thiện, nên mạng sống ngắn ngủi.

Lại có thuyết nói: Do nghiệp sát sinh nên đọa vào địa ngục, mạng sống ngắn ngủi, là quả y của địa ngục kia.

Lại có thuyết nói: Khi giết chúng sinh, khiến cho người khác phải chịu hai thứ khổ:

1. Khiến người khác chịu đau khổ.

2. Dứt bỏ mạng đáng yêu của người khác.

Vì gieo rắc sự đau khổ cho người khác, nên phải đọa vào địa ngục. Vì cắt đứt thân mạng đáng yêu của người khác, nên mạng sống ngắn ngủi.

Hỏi: Nếu người mạng sống ngắn ngủi, là do báo của nghiệp thiện, hay báo của nghiệp bất thiện?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Là báo của nghiệp thiện, chứ chẳng phải báo của nghiệp bất thiện. Vì sao? Vì tuổi thọ con người bằng với tám căn là báo của nghiệp thiện. Do nghiệp thiện tạo ra báo thọ mạng hai mươi năm trong cõi người, do sát sinh nên đã làm cho tuổi thọ bị hao hụt, đáng lẽ được hưởng thọ hai mươi tuổi, mà chỉ mười tuổi, mười tuổi là mạng dứt.

Kinh Phật nói: Lúc tuổi thọ của con người là mười tuổi, sẽ sinh tuổi thọ hai mươi tuổi cho cả nam và nữ.

Hỏi: Không có thành tựu nghiệp của người khác, nghĩa là cũng không có người khác làm, người khác thọ. Vì sao nói như thế?

Đáp: Tức thọ mạng của người mười tuổi ấy, tuổi thọ chuyển thành hai mươi tuổi. Hành mười nghiệp đạo thiện như thế, thì tuổi thọ sẽ tăng gấp mười lần.

Tôn giả Cù-sa nói: Các nghiệp đều có định báo: Nghiệp mười tuổi có báo của mười tuổi, cho đến nghiệp của tám vạn tuổi có báo của tám vạn tuổi, tùy theo tu nhân nào, sẽ được báo của nhân đó.

Hỏi: Lúc tuổi thọ của con người là mười tuổi, không sát sinh, có phải là thuộc về đạo báo thiện hay không?

Đáp: Không phải thuộc về nghiệp đạo, vì là đạo không tạo tác, chẳng phải nghiệp đạo. Vì sao? Vì việc làm của người kia là ngăn không nên sát sinh nên là đạo, không tạo tác nên không là nghiệp đạo.

Kinh Thi Thiết nói: Có phải không thọ nhận pháp báo hiện pháp, thì thọ nhận sinh báo, hậu báo hay không?

Đáp: Có. Nếu nghiệp hiện báo không hiện tiền cho quả báo, nghiệp sinh báo, nghiệp hậu báo cũng cho quả báo báo hiện ở trước, lúc ấy sẽ thọ sinh báo, được A-la-hán, chẳng phải không được sinh báo. Hậu báo cũng nói như thế.

Hỏi: Như phàm phu Hữu Học cũng có việc này, vì sao chỉ nói A-la-hán?

Đáp: Vì A-la-hán có thể biết rõ nghiệp là xa, là gần, là có thể chuyển, là không thể chuyển.

Lại có thuyết nói: A-la-hán không còn thọ có các nghiệp kia khởi hiện ở trước, như người muốn tới nước khác, chủ nợ đến đòi nợ, nghiệp kia cũng giống như thế. Phàm phu hữu học vì còn nhận lấy thân, nên phải thọ báo này, cho nên không nói.

Lại có thuyết nói: Nếu có tự lực có thể biết rõ nghiệp báo ấy, cho nên nói có các vị nói rằng: Một nghiệp trải qua các đường, có báo dư, người kia đã nói rằng: A-la-hán đối với đời khác trước kia đã gây ra nghiệp, thọ báo, báo này có thừa. Nhờ sức tu đạo, nên đã bỏ pháp nghiệp hiện báo trên thân con người, thọ nhận sinh báo, hậu báo. Cho nên thọ nhận là có thể dùng duyên như thế để phát khởi báo này, chỉ A-la-hán có thể là Học nhận, người phàm phu là không thể. Kinh Thi Thiết nói có bốn hạng người:

1. Có người tuổi thọ hết, của cải không hết mà chết.
2. Có người của cải hết, tuổi thọ không hết mà chết.
3. Có người tuổi thọ hết, của cải hết mà chết.
4. Có người tuổi thọ không hết, của cải không hết mà chết.

Trường hợp đầu: Như có một người gây ra nghiệp chết yếu, làm cho tăng trưởng rộng, làm ra nhiều của cải cũng làm cho tăng trưởng, tuổi thọ của người kia đã hết, của không hết mà chết.

Trường hợp thứ hai: Như có một người ít làm ra tiền của, rộng thành cho tăng trưởng, lại gây ra nghiệp sống lâu, cũng làm cho tăng trưởng, người ấy của cải hết, tuổi thọ không hết mà chết.

Trường hợp thứ ba: Như có một người ít tạo ra của cải, gây ra nghiệp chết yếu, đều làm cho tăng trưởng, người ấy của cải hết, tuổi thọ hết mà chết.

Trường hợp thứ tư: Như có một người tạo ra nhiều của cải, gây nhân sống lâu, đều làm cho tăng trưởng, người ấy của cải không hết, tuổi thọ không hết, vì duyên ác khác nên chết.

Tôn giả Mục-kiền-liên nói thế này: nói có người chết ngang trái là nhân báo định, báo khác ở ba đời là quả của người đó.

